

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-6-2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Nam

Bà Trần Thị Tố Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Tr sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 37, ấp Hàng G, xã Hàng G, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 37, ấp Hàng G, xã Hàng G, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đặng Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng 01 (một) năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Đến năm 2008, ông bà mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hàng G, thị xã LK (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/6/2008.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do ông Tr thường xuyên đi làm ăn xa nên chỉ thi thoảng mới về thăm nhà; thời gian đầu bà T hàng tuần có lên thăm ông Tr và lấy tiền về nuôi con nhưng sau đó số lần bà T thăm ông Tr ít dần, khoảng thời gian vợ chồng xa cách làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mặt khác, ông Tr cũng nghe mọi người bàn tán việc bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác (tuy nhiên ông Tr không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án). Mặc dù ông Tr và bà T có nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Từ khoảng đầu 2016 bà T đã tự ý bỏ nhà đi, ông Tr và gia đình đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T nên khoảng tháng 8/2018 ông Tr có làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích.

Sau khi Tòa án tiến hành xác minh và ông Tr đã thực hiện các thủ tục đăng tin tìm kiếm bà T trên báo đài theo quy định nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T nên Tòa án đã tuyên bố bà T mất tích (tại quyết định số 02/2018/QĐST-VDS ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã LK). Nay ông Tr nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Theo ông Tr, vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Anh P, sinh ngày 15/7/2001 và cháu Đặng Văn Q, sinh ngày 01/4/2005.

Khi ly hôn, ông Tr yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Văn Q. Ông Tr không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Đặng Anh P đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không đến Tòa án tham dự phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã bị tuyên bố mất tích nên vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ kiện;

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr, xử cho ông Tr và bà T được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Q cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Kiểm sát vì nên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr có yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T (BL 01). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn - bà T có nơi cư trú tại xã Hàng G, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai (BL 03) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr và bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 60), còn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đặng Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2008 (BL 04), đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nền hôn nhân của ông Tr và bà T được công nhận là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Từ năm 2016 bà T đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc với gia đình mặc dù ông Tr đã tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì sự việc này mặc dù không được bà T thừa nhận nhưng lời khai của ông Tr phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng bà T đều vắng mặt.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian bà T bỏ nhà đi đã lâu và Tòa án nhân dân thị xã LK (cũ) cũng đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-VDS ngày 28/12/2018, tuyên bố bà T mất tích (BL 07, 08). Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2019 tại Công an xã Hàng G cũng xác định: “Bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng từ năm 2016 bà T không trở về địa phương lần nào” (BL 22).

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn” và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của ông Tr để ổn định cuộc sống và chăm sóc con cái là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Tr và bà T có hai con chung là cháu Đặng Anh P, sinh ngày 15/7/2001 và cháu Đặng Văn Q, sinh ngày 01/4/2005.

Xét yêu cầu của nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr khi ly hôn được trực tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2016 cho đến nay không quan tâm chăm sóc con cái. Trong thời gian này ông Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và nguyện vọng của cháu Q cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với ông Tr (BL 21). Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Q cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Riêng cháu Đặng Anh P đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về cấp dưỡng: Xét về điều kiện nuôi con của ông Tr nhận thấy từ khoảng năm 2016 cho đến nay bà T đã bỏ nhà đi, cháu Q vẫn sống chung với ông Tr, được ông Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và được học hành đầy đủ. Về điều kiện kinh tế ông Tr có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và ông Tr cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên xét cần tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Đặng Văn Tr.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho ông Đặng Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Đặng Văn Q, sinh ngày 01/4/2005 cho ông Đặng Văn Tr được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cháu Đặng Anh P đã thành niên và có khả năng lao động.

2.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị Ngọc T.

3. *Về án phí* Ông Đặng Văn Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 009444 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai. Ông Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND xã Hàng G, TP.LK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang